

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BXD ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về lĩnh vực xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 5718/TTr-QHKT ngày 13 tháng 11 năm 2025 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 7244/TTr-SNV ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1.1. Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quản lý nhà nước về lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc.

1.2. Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Xây dựng.

1.3. Trụ sở chính: 31B phố Tràng Thi, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố, dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố liên quan đến lĩnh vực xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Dự thảo kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực xây dựng, chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực xây dựng trên địa bàn Thành phố trong phạm vi quản lý của Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội;

c) Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội;

d) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực xây dựng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố;

đ) Dự thảo quyết định, quy định, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án của Ủy ban nhân dân Thành phố về xây dựng và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố;

e) Dự thảo quyết định việc phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về xây dựng theo quy định;

g) Quyết định các dự án đầu tư về xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố được phân cấp hoặc uỷ quyền.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố theo phân công;

b) Quyết định xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập do Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội quản lý theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án và các văn bản khác sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

4. Về quy hoạch đô thị và nông thôn:

a) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn, thiết kế đô thị theo quy định; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch đô thị và nông thôn;

b) Tổ chức lập, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn theo quy định;

d) Hướng dẫn, quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch đô thị và nông thôn đã được phê duyệt trên địa bàn theo phân cấp, bao gồm: tổ chức công bố, công khai quy hoạch đô thị và nông thôn; quản lý hồ sơ các mốc giới, chỉ giới xây dựng, cốt xây dựng; giới thiệu địa điểm xây dựng và hướng tuyến công trình hạ tầng kỹ thuật; cung cấp thông tin về quy hoạch;

đ) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn.

5. Về kiến trúc:

a) Thực hiện và phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ tổ chức triển khai thực hiện, theo dõi, kiểm tra và giám sát chất lượng kiến trúc trong dự án đầu tư xây dựng;

b) Tổ chức lập quy chế quản lý kiến trúc theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố; hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã, phường trong việc lập, thẩm định quy chế quản lý kiến trúc đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt và ban hành của Ủy ban nhân dân xã, phường; kiểm tra việc thực hiện quy chế quản lý kiến trúc sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành; tổ chức rà soát, đánh giá quá trình thực hiện quy chế quản lý kiến trúc định kỳ hoặc đột xuất để xem xét, điều chỉnh hoặc kiến nghị điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc;

c) Lập, điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố;

d) Cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại, thu hồi chứng chỉ hành nghề kiến trúc; công nhận, chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc đối với người nước ngoài đã có chứng chỉ hành nghề kiến trúc đang có hiệu lực do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp;

đ) Xây dựng cơ sở dữ liệu, cập nhật, đăng tải và cung cấp thông tin về tổ chức, cá nhân hành nghề kiến trúc có đăng ký hoạt động trên địa bàn.

6. Về phát triển đô thị Phối hợp với Sở Xây dựng, thực hiện các nhiệm vụ khi được Ủy ban nhân dân Thành phố giao:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức lập quy hoạch xác định các khu vực phát triển đô thị; xác định các chỉ tiêu, tiêu chuẩn về quy hoạch kiến trúc khu vực phát triển đô thị trong nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị của Thành phố;

b) Tham gia xây dựng các chính sách, giải pháp quản lý quá trình phát triển đô thị, khuyến khích phát triển các dịch vụ công trong lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc trong phát triển đô thị và tổ chức thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt, ban hành;

c) Tổ chức hoặc tham gia thực hiện các nội dung về quy hoạch đô thị và nông thôn trong các chương trình, dự án đầu tư phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo sự phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố, bao gồm các chương trình về nâng cấp, phát triển đô thị, ứng phó với biến đổi khí hậu, kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh, xây dựng phát triển đô thị thông minh, các dự án cải thiện môi trường, nâng cao năng lực quản lý, đầu tư phát triển đô thị và các chương trình, dự án khác có liên quan đến phát triển đô thị;

d) Tham gia thực hiện việc đánh giá, phân loại đô thị hàng năm, đề xuất việc tổ chức hoàn thiện các tiêu chí phân loại đô thị đối với các đô thị đã được công nhận loại đô thị; tham gia các công tác về quy hoạch đô thị và nông thôn trong hướng dẫn, kiểm tra các đề án công nhận loại đô thị trình Ủy ban nhân dân Thành phố để trình cấp có thẩm quyền công nhận loại đô thị hoặc trong thẩm định đề án đề nghị công nhận loại đô thị và trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định;

đ) Theo dõi, kiểm tra các hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển đô thị theo quy hoạch đô thị và nông thôn, kế hoạch quy hoạch đã được phê duyệt; theo dõi, tổng hợp, đánh giá và báo cáo tình hình thực hiện quy hoạch đô thị và nông thôn trong phát triển đô thị trên địa bàn Thành phố.

7. Quản lý theo quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý của Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội.

8. Thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực quản lý của Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật.

9. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ

10. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường.

11. Thực hiện công tác nhập và cập nhật, điều chỉnh thông tin trong hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn theo quy định; thực hiện công tác tổng hợp, thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Xây dựng và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định.

12. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng, các phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng và theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

13. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, ngạch công chức và xếp ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

14. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật.

15. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giám định, đăng ký, cấp giấy phép, văn bằng, chứng chỉ thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật.

16. Quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý của Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội.

17. Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc và lĩnh vực xây dựng (quy hoạch xây dựng và kiến trúc) đối với tổ chức, cá nhân; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

18. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Các phòng và tương đương thuộc Sở (07 phòng):

- a) Văn phòng;
- b) Phòng Tổng hợp;
- c) Phòng Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật;
- d) Phòng Quy hoạch - kiến trúc Bắc sông Hồng;
- đ) Phòng Quy hoạch - kiến trúc Nam sông Hồng;
- e) Phòng Quy hoạch - kiến trúc Đô thị vệ tinh và nông thôn;
- g) Phòng Quản lý hoạt động quy hoạch, kiến trúc, đô thị.

2. Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở:

Ban Quản lý đồ án quy hoạch kiến trúc.

Điều 4. Giám đốc Sở, Phó Giám đốc Sở và số lượng cấp phó các tổ chức, đơn vị thuộc Sở

1. Giám đốc Sở, Phó Giám đốc Sở

a) Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội có Giám đốc và các Phó Giám đốc;

b) Giám đốc Sở là người đứng đầu Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của sở theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố;

c) Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở, giúp Giám đốc Sở thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Sở phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy quyền thay Giám đốc Sở điều hành các hoạt động của Sở. Phó Giám đốc Sở không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

d) Việc bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định theo quy định của Đảng và Nhà nước;

đ) Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các tổ chức, cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố, theo tiêu chuẩn chức danh do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

2. Số lượng cấp phó phòng, ban, đơn vị thuộc Sở:

a) Số lượng Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở thực hiện theo quy định;

b) Số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, cấp phó của người đứng đầu phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định.

Điều 5. Biên chế công chức và số lượng người làm việc

1. Biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập của Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của Thành phố được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở trình Ủy ban nhân dân Thành phố để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 01 năm 2026

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Đức Tuấn